|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOTHÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH****ĐỀ CHÍNH THỨC**(Đề có 4 trang) |  | **KIỂM TRA CUỐI KỲ 1** **NĂM HỌC 2022-2023****Bài kiểm tra môn: Địa lí - Khối 11****Thời gian làm bài: 45 phút** **MÃ ĐỀ: 534** |

|  |
| --- |
| Họ, tên học sinh:………………………………………………………………. |
| Lớp: …………………………. Số báo danh………………………………….. |

**Câu 1.** Quần đảo Haoai của Hoa Kì có tiềm năng lớn về

 **A.** hải sản và khoáng sản. **B.** hải sản và lâm sản.

 **C.** hải sản và du lịch. **D.** hải sản và giao thông vận tải

**Câu 2.** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong giá trị hàng xuất khẩu của Hoa Kỳ là sản phẩm của ngành

 **A.** công nghiệp khai khoáng. **B.** nông nghiệp.

 **C.** thủy sản. **D.** công nghiệp chế biến.

**Câu 3.** Cơ quan đầu não đứng đầu EU hiện nay là

 **A.** Quốc hội Châu Âu. **B.** Các ủy ban chính phủ.

 **C.** Hội đồng bộ trưởng. **D.** Hội đồng Châu Âu.

**Câu 4.** Năm 2016, hiện tượng cá chết hàng loạt ở một số tỉnh miền Trung của Việt Nam là do

 **A.** hiện tương thủy triều đỏ. **B.** nước biển nóng lên.

 **C.** ô nhiễm môi trường nước. **D.** độ mặn của nước biển tăng.

**Câu 5.** Nghiên cứu sử dụng các vi mạch, chíp điện tử có tốc độ cao, kĩ thuật số hóa thuộc lĩnh vực công nghệ nào dưới đây?

 **A.** Năng lượng. **B.** Sinh học. **C.** Vật liệu. **D.** Thông tin.

**Câu 6.** Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HOA KÌ VÀ NHẬT BẢN NĂM 2010

*(Đơn vị: triệu USD)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Xuất khẩu** | **Nhập khẩu** |
| Nhật Bản | 769,8 | 692,4 |
| Hoa Kì | 1 831,9 | 2 316,7 |

*(Nguồn Tuyển tập đề thi Olimpic 30 tháng 4 năm 2018)*

Nhận xét nào sau đây là đúng về tỉ trọng giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của Hoa Kì và Nhật Bản?

 **A.** Tỉ trọng nhập khẩu của Nhật Bản cao hơn xuất khẩu.

 **B.** Tỉ trọng nhập khẩu của Hoa Kì nhỏ hơn xuất khẩu.

 **C.** Tỉ trọng xuất khẩu của Nhật Bản bằng tỉ trọng nhập khẩu.

 **D.** Tỉ trọng xuất khẩu của Hoa Kì nhỏ hơn nhập khẩu.

**Câu 7.** Điểm tương đồng về mặt tự nhiên khu vực Tây Nam Á và Trung Á

 **A.** nằm ở vĩ độ rất cao, giàu tài nguyên rừng.

 **B.** có khí hậu lạnh, giàu tài nguyên thủy sản.

 **C.** có khí hậu khô hạn, giàu tài nguyên dầu mỏ.

 **D.** có khí hậu nóng ẩm, giàu tài nguyên rừng.

**Câu 8.** Ngành nào đã đưa khí thải vào khí quyển nhiều nhất?

 **A.** Nông nghiệp. **B.** Công nghiệp. **C.** Dịch vụ. **D.** Xây dựng.

**Câu 9.** Hoa Kì là nước xuất khẩu nông sản lớn

 **A.** thứ 1 thế giới. **B.** thứ 4 thế giới. **C.** thứ 3 thế giới. **D.** thứ 2 thế giới.

**Câu 10.** Dầu khí tập trung nhiều nhất ở khu vực nào của Hoa Kì?

 **A.** Ven Đại Tây Dương **B.** Vịnh Mêhicô.

 **C.** Ven Thái Bình Dương. **D.** Vùng đồng bằng trung tâm

**Câu 11.** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HOA KÌ, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

*(Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Xuất khẩu** | **Nhập khẩu** |
| 2010 | 1852,3 | 2365,0 |
| 2012 | 2198,2 | 2763,8 |
| 2014 | 2375,3 | 2884,1 |
| 2015 | 2264,3 | 2786,3 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB thống kê, 2016)*

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với tình hình xuất nhập khẩu của Hoa Kì, giai đoạn 2010 - 2015?

 **A.** Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu.

 **B.** Tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng lên.

 **C.** Nhập khẩu luôn lớn hơn xuất khẩu.

 **D.** Nhập khẩu tăng nhiều hơn xuất khẩu.

**Câu 12.** Hiện nay ở Hoa Kì, người Anh điêng sống tập trung ở vùng

 **A.** đồi núi phía Đông. **B.** đồng bằng phía Nam.

 **C.** đồi núi phía Tây. **D.** đồi gò phía Bắc.

**Câu 13.** Lãnh thổ châu Phi đối xứng qua

 **A.** chí tuyến Nam. **B.** chí tuyến Bắc. **C.** kinh tuyến gốc. **D.** xích đạo.

**Câu 14.** Cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp của Hoa Kì chia thành mấy nhóm ngành?

 **A.** 2 nhóm. **B.** 5 nhóm. **C.** 3 nhóm. **D.** 4 nhóm

**Câu 15.** Đường hầm giao thông dưới biển Măng - sơ nối liền châu Âu lục địa với quốc gia nào sau đây?

 **A.** Anh. **B.** Pháp. **C.** Đan Mạch. **D.** Đức.

**Câu 16.** Khu vực có nhiều người châu Á sinh sống nhiều nhất hiện nay ở Hoa Kì là

 **A.** Ven Đại Tây Dương **B.** Ven Vịnh Mêhicô.

 **C.** Ven Thái Bình Dương. **D.** Trong nội địa

**Câu 17.** Hoa Kì có diện tích lớn

 **A.** thứ 2 thế giới. **B.** thứ 4 thế giới. **C.** thứ 5 thế giới. **D.** thứ 3 thế giới.

**Câu 18.** Năm 2005, số dân của khu vực Tây Nam Á là

 **A.** gần 310 triệu người. **B.** gần 330 triệu người.

 **C.** hơn 331 triệu người. **D.** hơn 313 triệu người.

**Câu 19.** Biểu hiện về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước đang phát triển **không** bao gồm

 **A.** GDP bình quân đầu người thấp.

 **B.** tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao.

 **C.** nợ nước ngoài nhiều.

 **D.** chỉ số phát triển con người ở mức thấp.

**Câu 20.** Nhân tố nào sau đây **không** có ảnh hưởng nhiều đến ô nhiễm môi trường biển?

 **A.** Các sự cố đắm tàu, tràn dầu; sự cố khai thác dầu.

 **B.** Chất thải công nghiệp đổ ra biển chưa qua xử lí.

 **C.** Khai thác thủy sản, đẩy mạnh trồng rừng trên đảo.

 **D.** Chất thải sinh hoạt bẩn đổ ra biển chưa qua xử lí.

**Câu 21.** Vườn treo Ba-bi-lon là công trình kiến trúc cổ đại nổi tiếng thế giới hiện nay thuộc quốc gia nào sau đây?

 **A.** I- ran. **B.** Ả- rập Xê- út. **C.** I-rắc. **D.** Ô- man.

**Câu 22.** Dân số của Liên minh Châu Âu (EU) năm 2019 là 551,8 triệu người, GDP đạt 15247 tỉ USD. Tính thu nhập bình quân trên đầu người của tổ chức này.

 **A.** 27631,4 USD/người. **B.** 2763,4 USD/người.

 **C.** 276,4 USD/người. **D.** 27,4 USD/người.

**Câu 23.** Quá trình mở rộng các nước thành viên EU chủ yếu hướng về

 **A.** phía Đông. **B.** phía Nam. **C.** phía Bắc. **D.** phía Tây.

**Câu 24.** Hậu quả lớn nhất của toàn cầu hoá kinh tế là

 **A.** tác động xấu đến môi trường xã hội.

 **B.** làm tăng cường các hoạt động tội phạm.

 **C.** làm ô nhiễm môi trường tự nhiên.

 **D.** gia tăng khoảng cách giàu nghèo.

**Câu 25.** Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ CỦA HOA KÌ GIAI ĐOẠN 1960 - 2016

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1960** | **1980** | **2000** | **2010** | **2016** |
| Số dân (triệu người) | 180,7 | 226,5 | 282,2 | 309,3 | 323,1 |

*(Nguồn Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2016, NXB Thống kê 2017)*

Nhận xét nào sau đây đúng với tình hình dân số của Hoa Kì, giai đoạn 1960 - 2016?

 **A.** Ít có sự biến động. **B.** Biến động mạnh.

 **C.** Giảm nhanh. **D.** Tăng nhanh.

**Câu 26.** Tài nguyên nào sau đây hiện đang bị khai thác mạnh ở châu Phi?

 **A.** Khoáng sản và thủy sản. **B.** Đất,rừng và thủy sản.

 **C.** Khoáng sản và rừng. **D.** Rừng và thủy sản.

**Câu 27.** Hệ quả nguy hiểm của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ là

 **A.** thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm nước.

 **B.** tạo ra ngày càng nhiều loại vũ khí giết người nguy hiểm.

 **C.** khôi phục và sử dụng được các loại tài nguyên đã mất.

 **D.** làm thay đổi phương thức thương mại quốc tế truyền thống.

**Câu 28.** Trụ sở hiện nay của liên minh châu Âu được đặt ở

 **A.** Brucxen (Bỉ). **B.** Pari (Pháp). **C.** Matxcova (Nga). **D.** Béc- lin (Đức).

**Câu 29.** Quốc gia ở Tây Nam Á có sản lượng khai thác dầu mỏ lớn nhất thế giới là

 **A.** Iran. **B.** Côoét. **C.** Irắc. **D.** Ả-rập Xê-út

**Câu 30.** Ở Mĩ La tinh, rừng rậm xích đạo và nhiệt đới ẩm tập trung chủ yếu ở vùng nào?

 **A.** Đồng bằng La Pla-ta. **B.** Đồng bằng Pam-pa.

 **C.** Vùng núi An-đét. **D.** Đồng bằng A-ma-zôn.

**Câu 31.** Trong ngoại thương, EU hạn chế nhập các mặt hàng nào sau đây?

 **A.** Điện tử. **B.** Dầu khí. **C.** Dệt, da. **D.** Than, sắt.

**Câu 32.** Vai trò to lớn của Tổ chức thương mại thế giới là

 **A.** tăng cường liên kết các khối kinh tế.

 **B.** thúc đẩy tự do hóa thương mại.

 **C.** giải quyết xung đột giữa các nước.

 **D.** củng cố nền kinh tế toàn cầu

**Câu 33.** Diện tích của khu vực Tây Nam Á rộng khoảng 7 triệu km2 , dân số khoảng 313,3 triệu người, mật độ dân số là

 **A.** 45 người /km2. **B.** 50 người /km2. **C.** 49 người /km2. **D.** 46 người /km2.

**Câu 34.** Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN CỦA HOA KÌ QUA CÁC NĂM *(Đơn vị: triệu người)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1880** | **1920** | **1960** | **2005** | **2015** |
| Số dân | 50 | 105 | 179 | 296,5 | 321,8 |

*(Nguồn tổng cục thống kê năm 2015)*

Biểu đồ nào thích hợp nhất thể hiện dân số của Hoa Kì trong giai đoạn 1880 - 2015?

 **A.** Biểu đồ miền. **B.** Biểu đồ đường. **C.** Biểu đồ cột. **D.** Biểu đồ tròn.

**Câu 35.** Dân cư Mĩ la tinh có đặc điểm nào dưới đây?

 **A.** Tỉ lệ dân thành thị cao. **B.** Gia tăng dân số thấp.

 **C.** Tỉ suất nhập cư lớn **D.** Dân số đang trẻ hóa.

**Câu 36.** Việc dân số thế giới tăng nhanh đã

 **A.** thúc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế.

 **B.** làm cho tài nguyên suy giảm và ô nhiễm môi trường.

 **C.** thúc đẩy giáo dục và y tế phát triển.

 **D.** làm cho chất lượng cuộc sống ngày càng tăng.

**Câu 37.** Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC MỘT SỐ QUỐC GIA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2019

*(Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2016** | **2018** | **2019** |
| Hoa Kì | 14 964 | 16 692 | 17 393 | 18 121 | 18 624 |
| Nhật Bản | 5 700 | 5 156 | 4 849 | 4 383 | 5 700 |
| Trung Quốc | 6 101 | 9 607 | 10 482 | 11 065 | 11 199 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, Nhà xuất bản Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước của các quốc gia giai đoạn 2010 - 2019, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Miền. **B.** Đường. **C.** Kết hợp. **D.** Cột.

**Câu 38.** Vùng ven bờ Thái Bình Dương của Hoa Kỳ có khí hậu

 **A.** Cận nhiệt đới và ôn đới hải dương. **B.** Bán hoang mạc và ôn đới hải dương

 **C.** Cận nhiệt đới và bán hoang mạc **D.** Cận nhiệt đới và hoang mạc.

**Câu 39.** Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA HOA KỲ, GIAI ĐOẠN 2010 - 2019

*(Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2016** | **2018** | **2019** |
| Hoa Kì | 14 964 | 16 692 | 17 393 | 18 121 | 18 624 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, Nhà xuất bản Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, Tính tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước của Hoa Kì năm 2019.

 **A.** 121,1 %. **B.** 100 %. **C.** 124,5 %. **D.** 111,5 %.

**Câu 40.** Lãnh thổ Hoa Kì phần lớn nằm trong vành đai khí hậu

 **A.** hàn đới. **B.** xích đạo. **C.** nhiệt đới. **D.** ôn đới.

***------ HẾT ------***

*Học sinh không dùng tài liệu; giám thị không giải thích gì thêm.*